TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 460/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-04-2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Lê Văn Rồi

2- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1034/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/03/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 196/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/04/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lượng Thị D, sinh năm 1976; Đăng ký thường trú: Số X, đường số Y, ấp Z, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số 11A, đường số 129, ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Hoa Văn H, sinh năm 1970; Đăng ký thường trú: Số X, đường số Y, ấp Z, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 02/08/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lượng Thị D trình bày: Bà với ông Hoa Văn H tìm hiểu quen nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số 01/97, ngày 12/07/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống bên nhà bà tại xã T, huyện C để sinh sống, làm ăn. Cuộc sống vợ chồng tạm ổn định và bà lần lượt sinh 02 con chung vào năm 1994, 2003. Tuy nhiên, sau đó cuộc sống vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà và đập phá đồ đạc trong nhà, thậm chí có lúc còn mang rựa hâm doạ bà. Mặc dù sống cùng một nhà những cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, bà sang nhà cha mẹ ruột kế bên để sinh sống và cả hai đã ly thân mấy năm nay, không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hoa Văn T, sinh ngày 21/6/1994 và Hoa Thanh A, sinh năm 12/09/2003 (tất cả đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Bản chính Giấy đăng ký kết hôn, 02 Bản sao Căn cước công dân của nguyên đơn và bị đơn, 02 bản photo Giấy khai sinh con.

Bị đơn ông Hoa Văn H đã được Tòa án tống đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà ông H vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông Hoa Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Lượng Thị D với ông Hoa Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số 01/97, ngày 12/07/1997 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà D xin ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà D thì mâu thuẫn giữa bà với ông H là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà và đập phá đồ đạc trong nhà, thậm chí có lúc còn mang rựa hâm doạ bà. Mặc dù sống cùng một nhà những cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, bà đã sang nhà cha mẹ ruột kế bên để sinh sống và cả hai đã ly thân mấy năm nay, không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Ông H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là có căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà D với ông H không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hoa Văn T, sinh ngày 21/6/1994 và Hoa Thanh A, sinh năm 12/09/2003 (tất cả đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa không xem xét.

[3] Xét cần buộc bà D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lượng Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lượng Thị D được ly hôn với ông Hoa Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số 01/97, ngày 12/07/1997 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà D, ông H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Hoa Văn T, sinh ngày 21/6/1994 và Hoa Thanh A, sinh năm 12/09/2003 (tất cả đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, Toà án không xem xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có, Tòa án không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Lượng Thị D phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016185 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phồ Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí phí dân sự dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan